TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/DS-PT
Ngày 21 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Túy Giang

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp B I, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ái D, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B I, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Trước đây bà Nguyễn Thị B có cho chị Nguyễn Ái D vay 03 lần số tiền tổng cộng là 14.000.000 đồng. Cụ thể: Vào ngày 20/01/2016 (âm lịch) chị D vay số tiền 2.000.000 đồng, ngày 17/6/2016 (âm lịch) vay 5.000.000 đồng, ngày 25/7/2017 (âm lịch) vay 7.000.000 đồng. Khi vay hai bên không có làm giấy tờ. Lãi suất thỏa thuận bao nhiêu bà cũng không nhớ rõ. Sau khi vay thì chị D có đóng cho bà số tiền lãi nhưng cũng không làm giấy tờ nên bà không nhớ là chị D đã đóng bao nhiêu.

Nay, bà yêu cầu chị D phải trả lại cho bà số tiền đã vay là 14.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị Nguyễn Ái D lời trình bày: Vào ngày 29/01/2016 âm lịch, chị có vay của của bà B số tiền 2.000.000 đồng, ngày 17/6/2016 âm lịch chị vay tiếp 5.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 7.000.000 đồng. Khi vay hai bên không có làm giấy tờ, lãi suất là 6%/tháng. Sau khi vay chị có đóng lãi đầy đủ cho bà B. Đến tháng 11 năm 2017 âm lịch chị ngưng đóng tiền lãi cho bà B. Số tiền lãi chị đã đóng cho bà B khoảng 7.000.000 đồng, khi đóng lãi cũng không làm giấy tờ. Nay, chị xác định chỉ vay của bà B số tiền 7.000.000 đồng chứ không phải số tiền 14.000.000 đồng như bà B trình bày. Chị đồng ý trả lại số tiền 7.000.000 đồng chứ không đồng ý trả 14.000.000 đồng theo yêu cầu của bà B.

Từ nội dung trên tại Bản án số 29/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với chị Nguyễn Ái D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc chị Nguyễn Ái D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vốn vay là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với chị Nguyễn Ái D về việc đòi số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, lãi suất, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc chị Nguyễn Ái D trả cho bà B số tiền vốn vay 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị Nguyễn Ái D trả số tiền vốn vay 14.000.000 đồng. Theo bà B xác định ngày 20/01/2016 (âm lịch) chị D vay số tiền 2.000.000 đồng, ngày 17/6/2016 (âm lịch) vay 5.000.000 đồng, ngày 25/7/2017 (âm lịch) vay 7.000.000 đồng; tổng cộng là 14.000.000 đồng, khi vay không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến, chị D chỉ thừa nhận vay của bà B số tiền 7.000.000 đồng. Bà B không có chứng cứ chứng minh có cho chị D vay thêm 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B rút yêu cầu đối với chị D đòi số tiền 7.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà B đối với số tiền 7.000.000 đồng; đồng thời buộc chị D trả 7.000.000 đồng theo sự thừa nhận của chị D là có căn cứ.

[2] Nay, bà B yêu cầu xem xét lại phần đã rút khởi kiện đối với số tiền 7.000.000 đồng ngày 25/7/2017 (âm lịch). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B cũng không chứng minh được chị D có vay số tiền 7.000.000 đồng trên. Mặt khác, đối với yêu cầu khởi kiện này, do bà B rút yêu cầu, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ giải quyết. Trường hợp có căn cứ chứng minh chị D có vay số tiền 7.000.0000 đồng, bà B có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Như đã phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[4] Do bà Nguyễn Thị B có giấy chứng nhận hộ nghèo và đơn xin miễn án phí nên án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ án phí.

[5] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với chị Nguyễn Ái D đòi nợ vay.

2. Buộc chị Nguyễn Ái D trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với chị Nguyễn Ái D về việc đòi số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

4. Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Ái D chịu 350.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B đã nộp tạm ứng án phí 350.000 đồng theo Biên lai thu số 0011162 ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại 350.000 đồng.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện Đ (01 bản);
- CCTHADS huyện Đ (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều